Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Social Sciences & Humanities 2026, 10(2):x-x

Open Access Full Text Article

Bài nghiên cứu

Một tiếp cận xã hội học về tạp chí Pháp ngữ: Trường hợp *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin*

Sity Maria Cotika*, Võ Thị Ánh Ngọc, Nguyễn Hoàng Việt

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết có mục đích đề xuất một lối tiếp cận xã hội học về các tạp chí Pháp ngữ được xuất bản tại Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc, bằng cách vận dụng các cơ sở lý luận của Pierre Bourdieu, đồng thời kết hợp với một số ý tưởng từ phương pháp luận chuyển giao văn hóa và nghiên cứu hậu thuộc địa. Chúng tôi sẽ chọn ấn phẩm *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin* (Tập san Trí Tri) - cơ quan ngôn luận của Hội Trí Tri, thành lập năm 1892 - như là cứ liệu để phân tích cách thức tập san này tham gia vào tiến trình cấu tạo nên trường lực tri thức lai ghép, đồng thời trải qua những tình trạng xung đột giữa quyền lực thống trị của thực dân và khả năng khẳng định một chủ thể tính Việt Nam ở thời kỳ thuộc địa. Bài viết tập trung vào khảo sát hoạt động dịch thuật trên *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin*, bao gồm cả dịch tác phẩm Pháp sang tiếng Việt và ngược lại, như một hành động chiếm lĩnh và tích lũy vốn biểu trưng, cũng như là một chiến lược quan trọng của sự sản sinh và thừa nhận tri thức trong hoàn cảnh thuộc địa bất bình đẳng. Từ đó có thể thấy rằng, các tạp chí Pháp ngữ thuộc địa là những không gian trung giới phức tạp, nơi diễn ra các tương tác, thương lượng, cạnh tranh và kháng cự biểu trưng, giúp hình thành nên căn tính của trí thức Việt Nam hiện đại.

Từ khoá: xã hội học, Trí Tri, trường tri thức, dịch thuật, quyền lực biểu trưng

DẪN NHẬP

Lịch sử văn hóa và tri thức Việt Nam giai đoạn thuộc địa (1862-1954) được tạo thành trong sự gặp gỡ và đối kháng: sự thống trị chính trị và những khát vọng tự chủ, sự đối kháng về ngôn ngữ, tình trạng lai ghép các hình thái diễn ngôn và những xung đột hay tranh đấu về tính thẩm quyền biểu trưng. Trong một cấu hình phức tạp như thế, các tạp chí Pháp ngữ trở thành đối tượng nghiên cứu quan trọng nhưng dường như vẫn chưa thực sự được khai thác đúng mức. Được viết bằng tiếng Pháp và lưu hành trong giới Pháp ngữ, các ấn phẩm định kỳ này đóng vai trò cốt yếu trong hoạt động lưu chuyển, sản sinh và tái kiến tạo tri thức. Tuy nhiên, bên cạnh chức năng trung giới giữa các nền văn hóa, các tạp chí này chính là một định chế tri thức thực thụ nhằm xác lập ý nghĩa, tính hợp pháp của tri thức và tập tính của các tác nhân trong trường quyền lực biểu tượng.

Mục đích của bài viết này là để xuất một cách tiếp cận xã hội học đối với loại hình tạp chí này thông qua việc nghiên cứu ấn phẩm định kỳ tiêu biểu *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin* (*Bulletin de la SEM/Tập san Trí Tri*). Chúng tôi không chỉ nhìn nhận tạp chí này như là phương tiện truyền tải nội dung văn bản, mà là một không gian có cấu trúc, thể hiện quá trình sản xuất (theo nghĩa xã hội), hợp thức hóa và cạnh tranh giữa các diễn ngôn tri thức. Chúng tôi đặt giả thuyết rằng tạp chí này vận hành như là tiểu trường (*sous-champ*) trong trường lực tri thức rộng lớn thời kỳ thuộc địa, và ít nhiều bị chi phối bởi các nguyên lý phân biệt, cạnh tranh và chiến lược tìm kiếm sự thừa nhận của các tác nhân/chủ thể tham gia vào trường.

Nghiên cứu này cũng nhằm góp phần khơi gợi ý thức về sự tái thẩm định có tính phê bình đối với vai trò của các ấn phẩm định kỳ trong quá trình hiện đại hóa tri thức và sự hình thành một tập tính (*habitus*) học thuật Việt Nam. Điều này không chỉ cho phép phục hồi một bộ phận văn hóa thường bị lãng quên trong lịch sử tư tưởng, mà còn để đặt lại vấn đề một cách rộng hơn về các điều kiện sản sinh tri thức trong bối cảnh của những tình trạng bất bình đẳng cấu trúc và những bất đối xứng văn hóa thời thuộc địa.

NỘI DUNG CHÍNH

Cơ sở lý luận

Cách tiếp cận xã hội học đối với tạp chí Pháp ngữ ở Việt Nam thời thuộc địa đòi hỏi một sự kết hợp lý thuyết chặt chẽ giữa nhiều hệ hình khác nhau. Như đã nói, là đối tượng văn hóa mang tính lai ghép, tạp

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Sity Maria Cotika, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: sitymariacotika@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 22/07/2025
- Ngày sửa đổi: 12/02/2026
- Ngày chấp nhận: 14-04-2026
- Ngày đăng: x

DOI : x

Check for updates

Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNUHCM PRESS

Trích dẫn bài báo này: Cotika S M, Ngọc V T A, Việt N H. **Một tiếp cận xã hội học về tạp chí Pháp ngữ: trường hợp *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin***. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; 10(2):x-x.

chí này vừa là công cụ cấu trúc hóa trường tri thức, vừa là không gian trung giới văn hóa, nơi diễn ra các cuộc tranh đấu biểu trưng, thậm chí cả những yếu tố phản kháng. Để làm sáng tỏ tính phức tạp này, chúng tôi vận dụng một khung lý thuyết có tính bổ sung cho nhau: một mặt là xã hội học về các "trường" (*champ*) của Pierre Bourdieu, mặt khác là lý thuyết chuyển giao văn hóa trong viễn cảnh hậu thuộc địa. Phương pháp luận kép này cho phép tránh khỏi những kiểu đơn giản hóa nhị nguyên (kẻ thống trị/kẻ bị trị, truyền thống/hiện đại), và giúp tái hiện được tính chồng lợp dày đặc của các vấn đề xã hội, biểu tượng và văn hóa đang vận hành thông qua không gian tạp chí thời kỳ thuộc địa.

Trước tiên, lý thuyết về trường được Pierre Bourdieu phát triển từ những năm 1970, là một công cụ trung tâm giúp lý giải các động lực nội tại trong không gian trí thức thời thuộc địa. Theo Bourdieu, "các trường, khi được tiếp cận theo lối đồng đại, thể hiện như những không gian có cấu trúc vị trí (hoặc chức vị), mà đặc tính của các vị trí này phụ thuộc vào vị trí của chúng trong toàn bộ không gian đó, và có thể được phân tích một cách độc lập với các đặc điểm cá nhân của những người đang chiếm giữ chúng [...]" [1, tr.113]. Nghĩa là một trường được hiểu như là một không gian xã hội tương đối tự trị, được cấu trúc bởi các quan hệ về lực giữa các tác nhân hoặc định chế sở hữu những loại vốn đặc thù (văn hóa, biểu tượng, kinh tế, xã hội) và đang tham gia vào các cuộc tranh đấu vì sự thống lĩnh và hợp thức hóa. Từ góc độ cấu trúc, trường vận hành theo những quy tắc ngầm định (*nomos*) của nó, xác định cái gì được thừa nhận là có giá trị hoặc hợp thức, và phân chia các tác nhân thành hai cực: kẻ thống trị (sở hữu vốn biểu tượng lớn) và kẻ bị trị (tìm kiếm sự công nhận).

Khi áp dụng vào trường hợp các tạp chí Pháp ngữ trong bối cảnh thuộc địa, lý thuyết này cho phép ta phân tích các tạp chí như những tiểu trường (sous-champ), một khái niệm được Bourdieu nhắc đến trong công trình *Les Règles de l'art* (Các quy tắc của nghệ thuật), dùng để chỉ một không gian chuyên biệt, tương đối tự trị tồn tại bên trong một trường (*champ*) lớn hơn, ví dụ như các tiểu trường thể loại hay các tiểu trường hình thành từ các nguyên tắc sản xuất đối lập (sản xuất quy mô lớn/thương mại và sản xuất quy mô hẹp/thuần tuý). Các tạp chí là những không gian hẹp tương đối tự chủ, có các quy luật vận hành, các tác nhân tham gia và mục tiêu tranh đấu (*enjeu*) nhưng vẫn nằm trong trường tri thức thuộc địa lớn hơn, có cấu trúc tương đồng với cấu trúc của trường tri thức thuộc địa bao chứa sự tồn tại của chúng. Là một tiểu trường, tạp chí trở thành không gian thể hiện các chiến lược khác nhau của các tác nhân đang cạnh tranh và tích luỹ vốn biểu trưng trong trường tri thức thuộc địa: một mặt là của giới trí thức Pháp ở vị thế thống trị, tìm cách tái sản xuất vốn biểu tượng của họ; mặt khác là của các trí thức Việt Nam, thường bị gạt ra bên lề, nhưng biết vận dụng các tài nguyên từ tạp chí để tìm kiếm sự thừa nhận trong không gian văn hóa.

Các khái niệm "vốn văn hóa" (*capital culturel*) và "vốn biểu trưng" (*capital symbolique*) đặc biệt thích hợp cho loại hình nghiên cứu này. Nhiều trí thức Việt Nam tham gia vào các tạp chí Pháp ngữ đã sở hữu trọng lượng vốn văn hóa cao (được đào tạo theo lối học thuật cổ điển, thông thạo song ngữ, làm chủ các tri thức phương Tây). Đây chính là điều được Gisèle Sapiro nhận định khá xác đáng trong bối cảnh thuộc địa: "Nếu chủ nghĩa thực dân đã duy trì các dân tộc thuộc địa trong tình trạng bị tước đoạt quyền đại diện chính trị tự chủ, thì chiều kích văn hóa của nó (thể hiện qua giáo dục, học ngôn ngữ của kẻ đô hộ, việc phổ cập học đường) lại góp phần mở rộng biên giới quốc gia của các trường lực trong hai chiều hướng: một mặt là sự mở rộng thị trường sản phẩm văn hóa sang các lãnh thổ này - những nơi trở thành thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm của quốc gia thực dân (chẳng hạn sách vở), mặt khác là sự hình thành một tầng lớp tinh hoa là những người sản xuất văn hóa tại các nước bị đô hộ" [2, tr.74]. Tuy nhiên, vốn biểu trưng của họ vẫn còn thấp trong trường tri thức bị chi phối bởi các chuẩn mực của trường lực tri thức Pháp. Việc tham gia xuất bản trong các tạp chí là một chiến lược nhằm tích lũy vốn biểu trưng, thường theo một nguyên lý đặc thù hóa hoặc tìm kiếm một sự thừa nhận nào đó. Như vậy, tạp chí chính là định chế đưa họ vào trường tri thức, một nơi thủ đắc các quy mã văn hóa, từng bước đạt được sự thừa nhận rộng rãi thông qua các diễn ngôn chính thống. Quá trình chinh phục và tích lũy vốn tạo nên sự linh động và chuyển hóa của trường tri thức, nghĩa là có sự tranh đấu trong quan hệ về lực trong trường: "Trường là một trường lực (nghĩa là trong một trường tồn tại những quan hệ về lực, với sự phân bố không đồng đều của các lực) và đồng thời là một trường tranh đấu nhằm biến đổi hoặc duy trì quan hệ về lực, hay nói cách khác, nhằm duy trì hoặc chuyển hóa cấu trúc phân bố năng lượng, vốn, quyền lực và các lợi ích đi kèm" [3, tr.7].

Cuối cùng, khái niệm trường tri thức mang tính thiết yếu để hiểu cách thức cấu trúc quan hệ giữa tạp chí, giới trí thức và chính quyền thuộc địa. Như Bourdieu đã phân tích trong công trình *Les Règles de l'art* (Các quy tắc của nghệ thuật) [4, tr.361-363], các trường không bao giờ tách biệt hoàn toàn, mà luôn có những tương quan xung đột với các trường khác (chính trị,

kinh tế, tôn giáo, v.v.). Trường tri thức Việt Nam thời thuộc địa cũng vậy, thậm chí còn phức tạp hơn, nó luôn bị chi phối bởi các tương tác liên tục với trường chính trị và hành chính thuộc địa. Chính tính dị trị (*hétér onomie*) về cấu trúc này đã định hình giới hạn tự do của các tác nhân Việt Nam, đồng thời mở ra những không gian khả thể cho sự phản kháng và sáng tạo.

Tiếp đến, chúng tôi xem xét tiếp cận chuyển giao văn hóa (*Cultural Transfer*) như là một hướng lý thuyết có khả năng kết hợp thú vị với khái niệm "trường" của Bourdieu. Thực vậy, từ cách đọc cấu trúc như vừa trình bày trên, sẽ rất hữu ích khi thêm vào một cách tiếp cận linh động, chú trọng đến những tiến trình chuyển lưu, tiếp nhận và chuyển hóa tri thức. Vì thế, lý thuyết về chuyển giao văn hóa trở nên thiết yếu. Xuất hiện vào những năm 1980 trong bối cảnh nghiên cứu văn hóa Pháp-Đức, Michel Espagne và các đồng sự muốn tìm hiểu cách thức các yếu tố văn hóa (các khái niệm, mô hình, hình tượng, tác phẩm) lưu chuyển giữa các không gian quốc gia, được tái diễn giải, tiếp biến hoặc chuyển hóa nhờ các tác nhân trung giới hay các định chế. Michel Espagne nhấn mạnh đến ý nghĩa của khái niệm chuyển giao văn hóa như sau:

Mỗi khi một đối tượng văn hóa được chuyển từ bối cảnh này sang bối cảnh khác, ý nghĩa của nó bị biến đổi, dẫn đến một quá trình tái tạo ý nghĩa (resémantisation) mà chỉ có thể được hiểu đầy đủ nếu ta xét đến các yếu tố lịch sử làm trung gian cho sự chuyển giao đó. […] Điều cốt lõi ở đây không phải là sự lưu thông của các sản phẩm văn hóa, mà là cách chúng được tái diễn giải.[5]

Trong bối cảnh thuộc địa ở Việt Nam, các ấn phẩm định kỳ Pháp ngữ xuất hiện như là những không gian chiến lược của chuyển giao văn hóa. Chúng tiếp nhận và phổ biến các công trình dịch thuật từ những tác phẩm kinh điển của phương Tây, những bài viết tổng luận về tư tưởng triết học, văn nghệ và khoa học, đồng thời là nơi bàn luận về tính hiện đại, giáo dục, ngôn ngữ, và tôn giáo. Câu hỏi đặt ra sẽ là ai là tác nhân trung giới của các hoạt động này của tạp chí, vốn đã là một *véc-tơ* của sự chuyển giao[6]. Espagne trả lời: "Tất cả các nhóm xã hội có khả năng di chuyển từ một không gian quốc gia, ngôn ngữ, dân tộc hay tôn giáo này sang một không gian khác đều có thể trở thành những tác nhân chuyển giao văn hóa […] Dịch giả, giảng viên chuyên về một khu vực văn hóa nước ngoài, những người di cư vì lý do chính trị, kinh tế hay tôn giáo, nghệ sĩ thực hiện các đơn đặt hàng, lính đánh thuê - tất cả đều là những kênh chuyển giao, và cần phải chú ý đến những hình thức trung gian đa dạng mà họ tạo ra"[5]. Đến đây ta thấy cần thiết phải xem xét các tác giả cộng tác và hành trạng tri thức của họ, cũng giống như trong lý thuyết "trường" khi ta xem xét khái niệm "tập tính" (*habitus*) của các tác nhân trong trường. Chính họ là những người tham gia vào quá trình chuyển giao, thích ứng, tái diễn giải và tái cấu hình hóa bối cảnh tri thức.

Tuy nhiên, những chuyển giao này cũng có thể tạo ra những hiệu ứng ngoài dự kiến, điều mà các nghiên cứu hậu thực dân đã góp phần khái niệm hóa. Các tạp chí khi đó trở thành những không gian lai ghép (*créolisation*) theo nghĩa của Édouard Glissant[7], nơi các hệ quy chiếu văn hóa trở nên mơ hồ, giao thoa và tạo ra những hình thức mới. Chẳng hạn, bản dịch một kịch phẩm kinh điển Pháp có thể khơi gợi nhiều chuyển hóa về quy mã thẩm mỹ, về văn phong và thể loại; một tiểu luận về chủ nghĩa Nhân văn có thể được tái diễn giải dưới ánh sáng của truyền thống Nho giáo. Những cách tái diễn giải như vậy chính là những hành vi kháng cự mang tính biểu trưng, là sự tái định hình các phạm trù tư duy.

Như vậy, một cách tiếp cận xã hội học đối với các tạp chí Pháp ngữ trong bối cảnh thuộc địa không thể nằm ngoài hệ hình nghiên cứu hậu thực dân, vốn giúp đặt vấn đề về quyền lực, ngôn ngữ và căn tính từ chính các văn bản. Trong viễn tượng hậu thuộc địa, những ý tưởng của Edward Said (*Orientalism*)[8] và Homi Bhabha (*The Location of Culture*)[9] chắc chắn sẽ giúp ta có thể đọc các tạp chí như những không gian diễn ngôn mang tính nước đôi, nơi xen lẫn đặc tính mệnh lệnh phải tuân thủ trật tự thuộc địa, chiến lược phản kháng, sự mô phỏng, và tính khác biệt. Khái niệm "bắt chước" (*mimicry*) của Homi Bhabha giữ vai trò trung tâm trong phân tích này. Trong nỗ lực mô phỏng các mã tri thức của chính quốc, các trí thức bị trị đôi khi tạo ra những hiệu ứng đảo ngược, biến các công cụ thống trị mang tính biểu trưng của trung tâm thành phương tiện để thách thức quyền lực ấy. Diễn ngôn Pháp ngữ của các trí thức Việt Nam vì vậy không thể bị hiểu như sự phục tùng, mà có thể được đọc như một hình thức *agency*, một hình thức thể hiện năng lực tự quyết của chủ thể trong thực hành viết, trong đó chủ thể bản địa tái chiếm lĩnh các ký hiệu của quyền lực để thích ứng, chuyển nghĩa, và thậm chí là lật ngược ý nghĩa ban đầu của chúng.

Lối tiếp cận hậu thuộc địa cũng cho phép đặt vấn đề về căn tính diễn ngôn. Từ các bài báo, tiểu luận, thơ hay bản dịch được đăng trên các tạp chí, ta sẽ thấy nổi lên một căn tính tri thức đa tầng, vừa chịu sự định hình trong những ràng buộc của hoàn cảnh thuộc địa, vừa hướng tới một sự khẳng định cá nhân đặc thù. Quá trình phát ngôn này mang tính đa dạng nhưng cũng đầy mâu thuẫn có thể được phân tích như một động lực biến đổi của tập tính, tức là quá trình hình thành

một *ethos* trí thức hiện đại trong một không gian bị chi phối bởi quyền lực thực dân.

Qua việc kết hợp xã hội học về trường, lý thuyết chuyển giao văn hóa và phương pháp tiếp cận hậu thuộc địa, chúng tôi mong muốn đưa ra một cách đọc tổng hợp về các tạp chí Pháp ngữ trong bối cảnh thuộc địa như những không gian tương tác phức tạp giữa quyền lực, tri thức và căn tính. Cách tiếp cận lý thuyết này sẽ định hướng cho phần phân tích cụ thể một vài yếu tố của *Bulletin de la SEM*.

Chức năng xã hội của tạp chí Pháp ngữ trong bối cảnh thuộc địa

Sự xuất hiện của các tạp chí Pháp ngữ trong bối cảnh Việt Nam thuộc địa gắn liền với bối cảnh lịch sử, thể chế và trí thức, thậm chí gắn liền với chính sách báo chí thuộc địa toàn cầu: "Nói về báo chí thuộc địa cũng đồng nghĩa với việc phải tư duy lại sự xuất hiện của nó dưới góc độ của quá trình chinh phạt hay thiết lập thuộc địa: nếu đối tượng là "tờ báo" về mặt hình thức vẫn giống nhau ở mọi lãnh thổ, thì chức năng của nó lại thay đổi tùy theo từng giai đoạn của quá trình thực dân hóa. Báo chí định hình và làm hiển lộ các giai đoạn khác nhau của tiến trình thuộc địa: nó tường thuật, là công cụ truyền tải và kiến tạo thực tại cho độc giả"[10]. Cũng vậy, các tạp chí Pháp ngữ ở Đông Dương vốn không chỉ đơn thuần là công cụ truyền bá văn hóa, mà còn nằm ở điểm giao thoa của nhiều động lực: thực dân hóa, hiện đại hóa, phổ cập giáo dục, đào tạo giới tinh hoa bản xứ, cũng như các chiến lược nhằm hợp thức hóa biểu tượng cho tri thức. Phân tích chúng đòi hỏi phải kết hợp giữa góc nhìn lịch sử và cách tiếp cận xã hội học về các chức năng mà chúng đảm nhiệm trong trường lực tri thức Việt Nam đang định hình.

Kể từ cuối thế kỷ XIX, sự thống trị thuộc địa của Pháp được thực hiện theo một chiến lược có hệ thống nhằm biến đổi xã hội Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục công và các thiết chế văn hóa[11]. Việc đưa vào hệ thống giáo dục thuộc địa nền học vấn hỗn hợp Pháp - bản xứ, việc phổ biến dần tiếng Pháp trong các lĩnh vực tri thức, cũng như việc thành lập các cơ sở trường học, đều nằm trong một nguyên lý của sự duy lý tính hóa và chuẩn hóa văn hóa đặc trưng cho mọi kế hoạch thực dân. Trong bối cảnh đó, các tạp chí Pháp ngữ có thể đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau, trong đó chức năng ý thức hệ có lẽ rõ ràng nhất. Chúng góp phần làm cho các giá trị của mô hình phương Tây (lý trí, tiến bộ, tính phổ quát) trở nên tự nhiên, bằng cách gắn kết chúng với một dự trình chính trị thuộc địa. Bên cạnh đó, chức năng khu biệt hóa cũng mang dấu ấn đặc biệt: tạp chí cung cấp cho giới tinh hoa Việt Nam Pháp ngữ một không gian để thể hiện và để được thừa nhận, nhưng luôn trong tương quan với các diễn ngôn thực dân.

Tuy nhiên, không nên chỉ nhìn nhận các chức năng này dưới lăng kính của sự áp đặt. Chính những không gian ấy cũng trở thành nơi tiếp nhận, tái diễn giải, thậm chí ngấm ngầm kháng biện lại diễn ngôn thực dân. Hiện tượng này không diễn ra một cách tuyến tính: nó thay đổi tùy theo thế hệ, hoàn cảnh chính trị và những chuyển biến trong không gian cộng đồng.

Từ chính chức năng tạo nên sự khác biệt về tri thức, nghĩa là tạo nên vốn biểu trưng, chúng ta sẽ nhìn nhận các tạp chí như là một định chế tri thức. Các tri thức được hình thành, vận hành trên các tạp chí theo những cấu trúc rõ ràng, từ tôn chỉ, tính định kỳ, bộ phận biên tập, đến sự chọn lọc bài viết và đối tượng độc giả hướng đến, tất cả những yếu tố này khiến cho tạp chí trở thành một định chế trong trường tri thức. Từ góc độ xã hội học báo chí định kỳ, tạp chí cần được hiểu như một không gian thể hiện những nguyên lý xã hội của việc sản xuất và xác lập giá trị tri thức được kết tinh. Tại Việt Nam thời thuộc địa, các tạp chí Pháp ngữ cho phép xây dựng một không gian hình thành diễn ngôn, nói theo kiểu Michel Foucault [[12], tr.44]; mã hóa một *ethos* của người trí thức, thường dựa trên các giá trị như lý trí, tính khí, tinh thần giáo dục, và đặc biệt là khả năng sử dụng thành thạo tiếng Pháp; tham gia vào các mạng lưới xuyên thuộc địa, thông qua việc trao đổi với các tạp chí khác ở Đông Dương, tại Pháp hoặc ở những thuộc địa khác.

Với đặc điểm dựa trên tính định kỳ, tính luận lý, tính đối thoại và tranh luận, các tạp chí đóng vai trò thiết yếu trong quá trình hình thành *trường trí thức tự trị* (*champ intellectuel autonome*), tức một không gian mà trong đó các tác nhân sản xuất diễn ngôn, các trí thức như nhà văn, nhà tiểu luận, dịch giả, nhà báo, v.v. có thể định hình căn tính của mình, phần nào tách biệt khỏi những mệnh lệnh chính trị hoặc tôn giáo thống trị. Dĩ nhiên, không gian này vẫn chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ chế kiểm duyệt thực dân, nhưng đồng thời cũng mở ra những không gian khả thể linh hoạt.

Bulletin de la SEM: từ truyền thống đến thế giới hiện đại

Tập san *Bulletin de la SEM* là cơ quan ngôn luận của Hội Trí Tri (Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin) hay Bắc Kỳ Trí Tri Hội[a] . Hội này được thành lập vào ngày 01 tháng 04 năm 1892, thời kỳ đầu của sự hiện diện quân sự và cai trị của người Pháp ở Bắc Kỳ. Hội được thành lập trong một bối cảnh mà người

[a]Tên gọi *Trí Tri* xuất phát từ đoạn sau trong sách *Đại học* [í´ˆ˙ ´ í`ì´ˆˆ˙ ˆì´ˆˆ˙ˆ.

An Nam và người Pháp vẫn chưa thực sự hiểu nhau, và nền giáo dục chính thức lúc đó vẫn còn ở giai đoạn sơ khai. Mục đích của Hội là: "tạo điều kiện cho đồng bào chúng ta học tiếng Pháp, hiểu phong tục tập quán của người Pháp, và góp phần vào công cuộc nâng cao đạo đức và trí tuệ mà chính quyền bảo hộ đang tiến hành tại Bắc Kỳ" [13, tr.57]. Đây chính là điều khoản đầu tiên trong điều lệ của Hội. Nếu độc giả ngày nay đọc được phát ngôn ngày thì sẽ dễ dàng có nhận định về tính mơ hồ trong quyết định của những người sáng lập - dù với lý do chính đáng. Nhưng theo ghi nhận của người trong cuộc, cách diễn đạt như thế là "muốn để ngỏ một mức độ linh hoạt nhất định nhằm thích ứng với những nhu cầu lúc bấy giờ còn chưa được hiểu rõ" [13, tr.57]. Về nhân sự sáng lập của Hội, chúng ta có thể liệt kê: Edmond Nordemann, khi đó là giáo học, sau đó trở thành chưởng giáo trường Quốc học Huế, Giám đốc học chánh Trung Kỳ; Lê Diêu Thịnh, tên hiệu Phạm Xuân Thuyết; Bùi Xuân Thái, Bùi Thế Xuân, thông ngôn tại Tòa Đốc lý Hà Nội; Nguyễn Hữu Long, lúc đó là thông ngôn, rồi nhân viên tại Phủ Thống sứ Bắc Kỳ; Nguyễn Hữu Sùng, thư ký của Sở Công chánh; Trần Biểu Đức, Phạm Văn Hữu, Phạm Quang Lãng, Bàng Văn Mỹ và Bùi Xuân Phái, đều là giáo chức. Cơ cấu tổ chức của Hội gồm các thành viên sáng lập, thành viên chính thức, hội viên danh dự hoặc bảo trợ, hội viên ân nhân.

Trong bài báo *La Société d'enseignement mutuel du Tonkin (Hội Trí Tri, 1892-1946), une autre version de l'action moderniste*[14], tác giả Nguyen Phuong Ngoc đã giới thuyết về sự ra đời, các hoạt động cũng như sự phát triển và chấm dứt của Hội Trí Tri[14]. Dù ít được biết đến hơn Đông Kinh Nghĩa Thục, Hội Trí Tri với sự tồn tại kéo dài nửa thế kỷ (1892-1946) đã đóng vai trò lớn trong việc phổ biến tri thức khoa học và là tiền thân của Hội Truyền bá quốc ngữ (Association pour la diffusion du quốc ngữ) thành lập năm 1938. Ban đầu, Hội được thành lập để đào tạo thông dịch viên cho chính quyền thuộc địa, nhưng sau đó đã mở rộng mục tiêu sang nghiên cứu văn hóa, lịch sử Việt Nam. Các hoạt động chính của Hội Trí Tri bao gồm tổ chức các lớp học miễn phí về quốc ngữ và tiếng Pháp, các buổi thuyết trình công cộng hằng tuần và xây dựng một thư viện lớn. Hội có mối quan hệ mật thiết với Đông Kinh Nghĩa Thục, cùng chia sẻ chung mục tiêu canh tân đất nước. Sau các sự kiện năm 1908, Hội chuyển hướng sang các lĩnh vực giáo dục và văn hóa "an toàn" hơn. Di sản quan trọng nhất của Hội là trở thành tiền thân, bảo trợ cho Hội Truyền bá quốc ngữ (1938). Từ việc quan sát các hoạt động của Hội Trí Tri, tác giả bài báo đưa ra nhận định rằng Hội Trí Tri không chỉ là một hiệp hội phục vụ cho công cuộc thuộc địa mà còn là một hình thức liên kết xã hội mới và là một tác nhân tích cực trong thời kỳ hiện đại hóa. Tuy nhiên, bài báo này chỉ dừng lại ở các hoạt động của Hội Trí Tri và nhắc qua tập san của Hội, vẫn chưa đi sâu phân tích nội dung của tập san này.

Hội xuất bản ấn phẩm *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin* chủ yếu dành để tường thuật các buổi đàm thoại và hội thảo do Hội tổ chức. Ngoài ra, tập san còn đăng tải những bài viết ngắn về các chủ đề lịch sử hoặc địa lý Đông Dương, văn học Pháp hoặc An Nam, và các bài phổ biến khoa học. Một phần nội dung được dành cho các bản dịch tiếng Pháp của những tác phẩm hoặc tài liệu cổ bằng Hán Nôm, cũng như các bản dịch tiếng Việt của những tác phẩm kinh điển Pháp. Theo ghi nhận của Hội, "ấn phẩm này không phải là một sáng kiến gần đây. Nó được khởi đầu vào tháng 8 năm 1903, và bị gián đoạn vào tháng 8 năm 1905. Mười lăm năm sau, vào năm 1920, tập san được phục hồi với nhiều sửa đổi quan trọng" [13, tr.63]. Trong số nhiều bài viết khác nhau, *Bulletin de la SEM* đã đăng tải các công trình lịch sử về An Nam của ông Nguyễn Văn Tố; bài *Một cái nhìn về lịch sử An Nam* của ông Đỗ Đình Nghiêm; vở kịch *Sóc Sơn diễn thuyết* (về sự tích Phù Đổng Thiên Vương) của ông Nguyễn Khắc Hy; bài thơ *Thu dạ lưu hoài ngâm* (Lời than của người lưu đày trong đêm thu); *Bần nữ than* (Lời than của một thiếu nữ nghèo); *Án đồng tiên* (Suy tư về tiền bạc); *Chuyện Quỳnh*, *Chén thuốc độc*; *Cung oán ngâm khúc*, cùng nhiều thơ, truyện, kịch An Nam được dịch sang tiếng Pháp bởi ông G. Cordier; và bản dịch tiếng Pháp tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nghiêm Liễn, v.v.

Trong số thứ nhất năm 1922, Ban biên tập được thành lập gồm những nhà trí thức sau: Đỗ Thúc, Bùi Huy Đức, Ngô Vi Liễn, Đoàn Rạng, Nguyễn Thức. Cũng trong số đầu này, tập san đề xuất những mục tiêu cụ thể [15, tr.1-2]. Theo đó, mục tiêu hàng đầu là truyền bá tri thức tiếng Pháp trong giới trí thức người Việt. Là cơ quan ngôn luận chính thức của Hội, tập san thực hiện sứ mệnh giáo dục song ngữ, với hai hình thức xuất bản:

- Tập định kỳ, gửi đến các hội viên, bao gồm biên bản các phiên họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng, cùng các báo cáo và thống kê tài chính;
- Tập không định kỳ, ít nhất 4 số mỗi năm, bao gồm các bản tóm lược hội thảo, các bài nghiên cứu về lịch sử, khoa học, văn học viết bằng tiếng Pháp, do các tác giả cộng tác gửi đến. Mục tiêu cụ thể gồm: 1/ Dịch các tác phẩm cổ bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm sang tiếng Pháp, nhằm giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam đến độc giả Pháp ngữ; 2/ Dịch các tác phẩm kinh điển Pháp (và qua đó cả Hy-La) sang quốc ngữ, giúp người Việt tiếp cận tư tưởng phương Tây thông qua tiếng mẹ đẻ; 3/ Khởi xướng việc dịch thuật các tài liệu

khoa học cơ bản sang quốc ngữ, đặc biệt trong các lĩnh vực như hình học và số học, dù vẫn còn thiếu từ vựng chuyên môn trong các ngành khoa học thực nghiệm; 4/ Phân tích khách quan, ngắn gọn các tạp chí và sách viết bằng quốc ngữ xuất bản tại Bắc Kỳ, nhằm giới thiệu đến độc giả quan tâm.

Trên tinh thần của học giả Nguyễn Văn Tố, người từng đảm trách biên tập trước đây, *Bulletin de la SEM* vận hành như một công cụ trung giới văn hóa, vừa phổ biến tư tưởng Pháp, vừa phát huy tri thức bản địa. Tập san cũng kêu gọi sự đóng góp rộng rãi từ cả hội viên lẫn những người ngoài Hội có thiện chí với sứ mệnh giáo dục và khai hóa mà Hội đã theo đuổi.

Khung mô tả và biểu đồ tổng lược trên được chúng tôi thực hiện dựa trên khảo sát toàn bộ các số tập san *Bulletin de la SEM* trên trang Gallica - trang tài liệu số hóa của Thư viện Quốc gia Pháp (BNF), tổng cộng có 42 số, bắt đầu từ số 1922/01/01 (T3, N1) - 1922/03/31 cho đến số 1938 (T17, N3) - 1939 (T17, N4). Từ khung mô tả (Bảng 1) đến biểu đồ tổng lược trên (Hình 1), chúng ta đã có thể hình dung rõ hơn nội dung và cấu trúc phong phú của *Bulletin de la SEM*. Ẩn sau hình thức có vẻ khiêm tốn và đơn giản của một tờ tập san giáo dục định kỳ, ấn phẩm này chính là một không gian trí thức đích thực - với nội dung đa dạng và có tính chiến lược - nằm ở trung tâm của những biến đổi văn hóa tại Việt Nam thời thuộc địa. Đây là một diễn đàn tổng hợp: phổ biến tri thức, bảo tồn di sản, trung gian dịch thuật, và không kém phần quan trọng, là nơi nuôi dưỡng thảo luận học thuật và kiến tạo chủ thể hiện đại.

Trước tiên, đó là một cấu trúc xuất bản đa chiều cho một dự án cải cách sâu rộng. Tổ chức nội dung của tập san phản ánh một dự án xuất bản được cấu trúc rõ ràng, xoay quanh bốn trục nội dung chính, bổ sung lẫn nhau.

Trục thứ nhất là phổ biến tri thức hiện đại với mục tiêu giáo dục công chúng theo tinh thần khai sáng. Tạp chí giới thiệu nhiều bài viết khoa học phổ thông về sinh học, địa lý, lịch sử khám phá, vệ sinh công cộng và kỹ thuật sản xuất đương đại. Các tác giả như Nguyễn Công Tiễu, bác sĩ Lamoureux, Joyeux, v.v. trình bày những chuyên đề như *Những điều kỳ diệu trong tự nhiên*, phòng ngừa bệnh tật, hay hợp lý hóa kỹ thuật trong nhà máy. Tầm nhìn khai minh này xem tri thức phương Tây như đòn bẩy cần thiết cho sự canh tân đất nước, đặt giáo dục vào trung tâm của công cuộc cải tổ xã hội.

Trục thứ hai xoay quanh việc phục hồi và truyền bá di sản văn hóa - văn học Việt Nam. Tập san công bố nhiều tác phẩm kinh điển như *Cung oán ngâm khúc*, *Chí Linh bát cổ*, *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, thơ văn Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Gia Thiều, v.v. Các văn bản này không chỉ được giải thích mà còn được chuyển ngữ sang tiếng Pháp bởi các nhà tri thức như G. Cordier, Vũ Văn Lễ, Hoàng Quán. Việc thực hành tri thức này phục vụ hai mục tiêu: khôi phục giá trị của văn học Nho học giữa lòng xã hội thuộc địa đang biến đổi, và khẳng định di sản Việt trong không gian học thuật Pháp ngữ - nơi lâu nay chỉ quen với chuẩn mực văn chương châu Âu.

Trục nội dung thứ ba tập trung vào trung gian văn học và dịch thuật hai chiều. Tập san giới thiệu nhiều bản dịch từ tiếng Pháp sang quốc ngữ (La Fontaine, Racine, Fénelon, Hugo, Daudet, v.v.), đồng thời dịch các tác phẩm Việt sang tiếng Pháp với tinh thần tái tạo tương đương về văn hóa và thẩm mỹ. Song song đó là các bài phê bình văn học Pháp đương đại (Gide, Schlumberger, Musset, v.v.). Dự án này không chỉ đơn thuần nhằm truyền bá, mà còn là nỗ lực kiến tạo một không gian song ngữ có chiều sâu, đúng như tôn chỉ của tập san. Song ngữ ở đây trở thành công cụ chiếm lĩnh tri thức và hình thành một bản ngã hiện đại.

Trục thứ tư mở ra một không gian thảo luận xã hội - liên văn hóa. Nhiều bài viết, diễn văn và hội thảo tập trung vào các chủ đề như: vị thế phụ nữ, luật tục, chế độ đa thê, tuổi trẻ, dân chủ, đạo đức, các dân tộc thiểu số (Mường, Thổ, v.v.), tôn giáo, giáo dục và vai trò của giới trí thức. Những nội dung này thể hiện một mong muốn phản tư xã hội thuộc địa, theo hướng phê phán nhưng cẩn trọng, trong khuôn khổ một không gian công luận giới hạn, nơi các giá trị hiện đại được thương lượng và tái định nghĩa.

Tiếp đến, tập san trở thành nơi quy tụ một cộng đồng trí thức lai ghép: nho sĩ bản địa và các tác nhân trung giới Pháp ngữ. Thực vậy, tính chất đặc biệt của tập san nằm ở chính cộng đồng những người góp phần tạo nên nó - một tập thể phong phú và đa dạng, mang bản chất lai ghép từ hành trạng tri thức đến căn tính cá nhân.

Nổi bật trong số đó là Nguyễn Văn Tố, người vừa là chủ bút, diễn giả, dịch giả, vừa là học giả thư mục học và người điều phối hoạt động trí thức. Bên cạnh ông là những dịch giả tâm huyết như G. Cordier, Nghiêm Liễn, Vũ Văn Lễ, Hoàng Quán, những người đã góp phần quan trọng trong việc đưa văn học cổ Việt Nam ra thế giới Pháp ngữ. Cùng với họ là những nhà sư phạm, tiểu luận gia như Ngô Vi Liễn, Lê Thước, Phạm Văn Thư, Đỗ Đình Nghiêm, Đỗ Đức Vượng - những người trưởng thành từ giao điểm giữa Nho học và Tây học, đóng vai trò dẫn dắt tư tưởng thời đại.

Không thể không kể đến các viên chức Pháp có tư duy học thuật như E. Tavernier, H. Le Breton, J. Marquet, v.v. Họ cung cấp những tri thức kỹ thuật và hành chính, cho thấy dù tồn tại bất cân xứng, nhưng sự cộng tác tri thức giữa hai phía là có thực và không

Bảng 1: Mô tả nội dung vàcấu trúc của Bulletin de la SEM (Nguồn: Nhóm tác giả)

Văn học-Văn hóa	Giáo dục, Khoa học và Xã hội	Dịch thuật *(Pháp-Việt; Việt/Hán-Pháp)*	Nội dung hành chính và hoạt động của Hội
- Phê bình văn học *- Tiểu sử nhà văn* *- Thơ cổ, ngâm khúc* *- Ca dao, truyện dân gian* *- Văn học phương Tây*	*– Giáo dục gia đình, đạo đức* *- Y tế, vệ sinh, thể thao* *- Nông nghiệp, nghề nghiệp* *- Địa dư, dân tộc học* *- Diễn thuyết về xã hội, chính trị*	*- Dịch thơ, phú, tuồng* *- Dịch văn học Pháp* *- Dịch văn học Việt sang tiếng Pháp* *- Dịch văn học Hán Nôm* *- Phân tích, giới thiệu tác phẩm*	*- Biên bản họp* *- Báo cáo hoạt động hằng năm* *- Danh mục sách báo/ thư mục* *- Hỏi và đáp* *- Thư tín, v.v.*

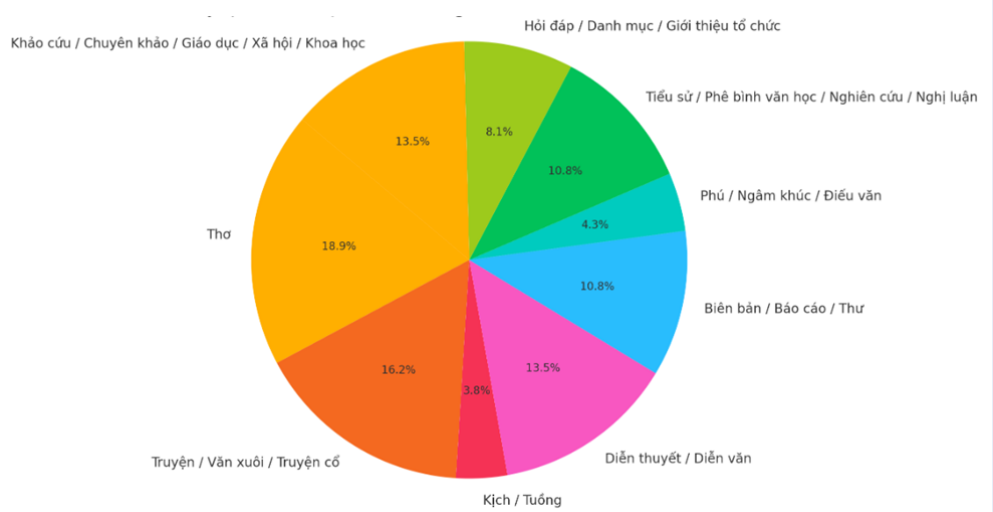

Hình 1: Tỷ lệ phân bố của các thể loại (Nguồn: Nhóm tác giả)

kém phần quan trọng. Cộng đồng này phản ánh một mạng lưới trí thức lai ghép, nằm ở ranh giới giữa kẻ thống trị và bị trị dần chuyển hóa thành ranh giới giữa tri thức chính thống và tri thức ngoại biên, giữa thống trị và đồng kiến tạo.

Tác giả bài báo *L'institution des revues dans le champ littéraire vietnamien francophone à l'époque coloniale* nhận định rằng tập san *Bulletin de la SEM* không phải là một tạp chí văn học thuần tuý mà là cơ quan ngôn luận của một hội trí thức có vai trò phổ biến tri thức hiện đại[16]. Tập san là một diễn đàn cho các trí thức hàng đầu, như Pierre Đỗ Đình (Đỗ Đình Thạch). Ông đã đăng nhiều bài diễn thuyết và nghiên cứu quan trọng về chủ nghĩa nhân văn, thơ ca hiện đại, và giới thiệu chủ nghĩa tượng trưng Pháp cho độc giả Việt Nam. Các bài viết của ông thể hiện mong muốn tái tạo văn hóa Việt Nam bằng cách tiếp thu có chọn lọc những ảnh hưởng từ phương Tây. Một hoạt động quan trọng của tập san là dịch các kiệt tác văn học Pháp sang tiếng Việt và các tác phẩm kinh điển Việt Nam sang tiếng Pháp, theo tác giả bài báo, là một chiến lược kép: vừa làm giàu quốc ngữ, vừa khẳng định năng lực của trí thức Việt Nam trong cuộc cạnh tranh văn hóa.

Cuối cùng, ta có thể nhận định tập san như một không gian thử nghiệm cho chủ thể hiện đại Việt Nam. Nó chính là một phòng thí nghiệm cho quá trình hiện đại trí thức Việt Nam, một không gian diễn ra những thử nghiệm về bản ngã, tri thức, ngôn ngữ và thế giới quan. Thông qua dịch thuật, phổ biến tri thức, phê bình và truyền bá văn hóa, tập san này đã mở đường cho sự xuất hiện của một thế hệ trí thức có bản lĩnh, ý thức sâu sắc về hoàn cảnh và khát vọng đổi mới. Trong hoàn cảnh thuộc địa đầy phức tạp, *Bulletin de la SEM* đã âm thầm và kiên trì xây dựng những nền tảng đầu tiên cho một không gian trí thức bản địa đầy tiềm năng.

Trong số các nội dung của tập san, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến hoạt động dịch thuật của các tác giả cộng tác. Theo ghi nhận của chúng tôi, nếu có thể chia tập san thành hai giai đoạn với những nét đặc thù riêng, thì từ số đầu (1922) đến năm 1931 được

xem là giai đoạn đầu; sự chuyển tiếp sang giai đoạn thứ hai được đánh dấu bằng việc xuất hiện của ban thư ký mới, kể từ số 3-4 năm 1931. Sự chuyển đổi này cũng tạo nên khác biệt cho diện mạo của tập san. Giai đoạn đầu chủ yếu tập trung vào hoạt động dịch thuật, trong khi giai đoạn sau dành cho những bài viết nghiên cứu, suy tưởng, đặc biệt chúng tôi ấn tượng với mục "Questions & Réponses" (Hỏi và Đáp). Đây cũng chính là sự phát triển và tiến bộ của tập san, chứng minh quá trình trưởng thành của giới trí thức bản địa. Riêng đối với các nội dung dịch thuật, *Bulletin de la SEM* cho thấy sự đa dạng trong các hình thức dịch thuật, phản ánh một dự án văn hóa mang tính giáo dục, thẩm mỹ và chính trị. Có thể phân chia hai loại hình chính dựa trên định hướng dịch, mục tiêu diễn ngôn và chiến lược được sử dụng.

Thứ nhất, dịch từ tiếng Pháp sang quốc ngữ: Đây là hình thức phổ biến nhất trong *Bulletin de la SEM*, tập trung vào việc chuyển ngữ các tác phẩm kinh điển của văn học Pháp (như Racine, Hugo, Fénelon, La Fontaine, Musset, Aicard, v.v.) cũng như các bài diễn thuyết, hội thảo hoặc văn bản khoa học đương thời sang quốc ngữ Việt Nam. Thể loại văn bản rất đa dạng: bi kịch cổ điển (Racine), thơ trữ tình hoặc thơ chính luận (Hugo, Daudet), truyện ngụ ngôn, văn xuôi đạo đức hoặc giáo huấn. Các bản dịch thường sử dụng hình thức văn học truyền thống Việt Nam như thơ lục bát, ngâm khúc hoặc văn xuôi có nhịp điệu.

Chiến lược dịch chủ yếu mang tính *văn hóa hóa*, tức là tái tạo hiệu ứng thẩm mỹ và đạo đức tương đương trong hệ hình văn hóa bản địa. Ví dụ, vở *Iphigénie* được chuyển thể thành một vở *tuồng*. Công việc này đòi hỏi không chỉ hành động "nội hóa" về mặt mỹ học, mà còn phải điều chỉnh về mặt sắc thái diễn ngôn, nhịp điệu, và không ít lần cả về mặt tư tưởng để phù hợp với cảm quan văn hóa của độc giả Việt Nam.

Thứ hai, dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp: Loại hình dịch thuật theo chiều ngược lại này đặc biệt đáng chú ý dưới góc nhìn hậu thuộc địa. Những bản dịch này thể hiện nỗ lực đưa di sản văn học Việt Nam đến với độc giả Pháp ngữ và định vị nó trong không gian văn học toàn cầu. Các tác phẩm được dịch rất tiêu biểu: *Truyện Kiều* (kèm bình luận), *Cung oán ngâm khúc*, *Lục Vân Tiên*, *Chí Linh bát cổ*, *Phong dao*, truyện dân gian như *Trạng Quỳnh*, *Thạch Sùng*, v.v. Các dịch giả như Georges Cordier, Vũ Văn Lễ, Hoàng Quán, Nghiêm Liễn, Nguyễn Văn Vĩnh, v.v. đều lựa chọn một lối dịch thận trọng, giữ thế cân bằng giữa tính trung thành với nguyên bản (thường viết bằng chữ Nôm hoặc Hán) và tính dễ hiểu, trang nhã trong tiếng Pháp.

Những thực hành này gắn với một dự án tạo nên *thừa nhận liên văn hóa*, nhằm đưa văn học Việt Nam vào "đền đài" văn chương thế giới thông qua trung gian ngôn ngữ Pháp. Dịch thuật trở thành một hình thức ngoại giao văn hóa, nâng cao giá trị biểu tượng của văn bản văn chương Việt trong không gian văn học toàn cầu.

Dịch thuật: từ thị trường ngôn ngữ đến chiến lược thừa nhận

Trong xã hội thuộc địa, dịch thuật không bao giờ là một hành động trung gian thuần túy giữa các ngôn ngữ. Trái lại, nó là một hoạt động mang tính quyền lực sâu sắc, được định vị trong một *thị trường ngôn ngữ* (marché linguistique) do những quan hệ thống trị quy định. Ở Đông Dương thời Pháp thuộc, dịch thuật trở thành nơi kết tinh những hiện tượng xung đột ngôn ngữ, tri thức và căn tính văn hóa.

Từ viễn cảnh xã hội học, thị trường ngôn ngữ thuộc địa có thể được mô tả như một hệ thống thứ bậc bị áp đặt. Pierre Bourdieu giải thích về khái niệm này như sau:

Có thị trường ngôn ngữ mỗi khi có người tạo ra một diễn ngôn nhằm hướng đến những người tiếp nhận có khả năng đánh giá, thẩm định và gán cho nó một giá trị. Việc chỉ nắm vững năng lực ngôn ngữ thuần túy không cho phép dự đoán giá trị của một hành vi ngôn ngữ trên một thị trường cụ thể. Giá trị mà các sản phẩm từ một năng lực ngôn ngữ nhất định nhận được trên một thị trường nhất định sẽ phụ thuộc vào các quy luật hình thành giá trị riêng của thị trường đó. [17, tr.123]

Thị trường ngôn ngữ có thể được hiểu như là một không gian xã hội mà trong đó các biến thể ngôn ngữ khác nhau - phương ngữ, phong cách, hay biệt ngữ - cạnh tranh nhau để giành lấy sự thừa nhận, tính chính đáng và giá trị biểu tượng. Trong bối cảnh thuộc địa, thị trường này ít nhiều thể hiện một cấu trúc bất bình đẳng: tiếng Pháp - ngôn ngữ của thực dân - chiếm vị trí thống trị hoặc ưu việt, trong khi các ngôn ngữ bản địa (quốc ngữ, chữ Nôm, chữ Hán) bị đẩy xuống hàng thứ yếu, gắn với tính dân gian, truyền thống hoặc gia đình. Tiếng Pháp không chỉ là ngôn ngữ hành chính, mà còn là ngôn ngữ của tri thức, có thẩm quyền văn hóa và là phương tiện dẫn tới hiện đại. Việc thông thạo tiếng Pháp đồng nghĩa với việc sở hữu *vốn ngôn ngữ*, mang lại lợi thế trong tiếp cận các nguồn lực hiếm có như giáo dục, xuất bản, việc làm, hay sự công nhận trong xã hội. Chính vì thế, trong một ấn phẩm định kỳ như *Bulletin de la SEM*, do chính các nhà trí thức Việt Nam điều hành, ta thấy phổ biến hiện tượng dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, và cũng xuất hiện những nỗ lực mang tính chính trị sâu sắc trong việc dịch ngược từ tiếng Việt sang tiếng Pháp.

Trong thị trường bất bình đẳng này, dịch thuật là một chiến lược định vị bản thân. Đối với giới trí thức bản địa, việc dịch Hugo, Racine hay La Fontaine sang quốc ngữ không chỉ là một hoạt động mang tính sư phạm, mà là hành động *chiếm lĩnh biểu trưng*, nhằm nội hóa các nội dung phương Tây trong hình thức ngôn ngữ và thẩm mỹ Việt Nam, đôi khi được Việt hóa triệt để. Ta thấy điều đó qua việc chuyển thể *Iphigénie* thành *tuồng*, hay các bài thơ Pháp được chuyển thành ngâm khúc.

Ngược lại, việc dịch *Truyện Kiều*, *Cung oán ngâm khúc* hay *Lục Vân Tiên* sang tiếng Pháp là một hành động đảo ngược mang tính biểu tượng: đó là nỗ lực khẳng định giá trị phổ quát và văn chương đỉnh cao của các tác phẩm Việt, từ đó làm giảm đi thế bất cân xứng trong trường văn học thuộc địa. Đây là những bản dịch có thể được nhìn nhận như hành vi *kháng dịch* (*counter-translation*), khẳng định phẩm giá của nền văn hóa bị thống trị.

Ý niệm thị trường ngôn ngữ trong lĩnh vực dịch thuật cho thấy luôn tồn tại một mối quan hệ bất bình đẳng, nhất là trong phạm vi văn chương. Hành động dịch kéo theo các vấn đề về trật tự thứ bậc của ngôn ngữ, tác giả, dịch giả và tác phẩm. Việc các tác giả của tập san *Bulletin de la SEM* dịch một số kịch phẩm kinh điển của Pháp dĩ nhiên là một hành động tiếp nhận tư tưởng văn nghệ hiện đại phương Tây vào Việt Nam. Nhưng khi phân tích từ góc độ xã hội học, ta có thể nhận thấy ở đây một hình thức trao đổi mang tính bất bình đẳng sâu sắc trong một trường văn học toàn cầu được cấu trúc bởi các quan hệ thống trị. Về vấn đề này, chúng tôi đồng thuận với luận đề của Pascale Casanova, khi tác giả khẳng định rằng:

Cách tiếp cận xuyên quốc gia, khi đề cao các mối quan hệ, trật tự thứ bậc và tương quan quyền lực giữa các trường văn học quốc gia, cho phép lật ngược giả định ngôn ngữ-quốc gia cùng với tư duy thông thường về thế giới văn học như một tập hợp các vũ trụ khép kín, tự trị, không thể chuyển hóa lẫn nhau, và các ngôn ngữ bình đẳng, tách biệt, độc lập. Những bất bình đẳng và thứ bậc - cả về mặt văn học lẫn ngôn ngữ - vốn chi phối trường văn học thế giới đã làm lộ rõ một cơ cấu khác của các trao đổi ngôn ngữ: thay vì là một sự chuyển giao ngang hàng hay một hoạt động trung lập như thường được mô tả, dịch thuật, ngược lại, chỉ có thể được hiểu như một "trao đổi bất bình đẳng" diễn ra trong một không gian có cấu trúc phân tầng mạnh mẽ. Từ đó, dịch thuật có thể được mô tả như một hình thức cụ thể của quan hệ thống trị đang vận hành trong trường văn học quốc tế; và bởi vậy, nó cũng trở thành một trong những trọng tâm của các cuộc đấu tranh đấu giành tính chính đáng, tức là một trong những con đường chính để tác giả và văn bản được tôn vinh. Cách tiếp cận này cũng cho phép vượt qua quan niệm dịch thuật như một quan hệ đơn lẻ giữa một văn bản và bản chuyển ngữ của nó, bằng cách tái định vị mỗi bản dịch trong mạng lưới toàn cầu của các quan hệ thống trị văn học, nơi dịch thuật chính là một hình thái của chúng. [18, tr.7-8]

Do đó, dịch các tác phẩm kinh điển của Pháp đồng nghĩa với việc thừa nhận các tác phẩm đó chuyển tải một trọng lượng vốn tượng trưng lớn, gắn liền với thẩm quyền, uy tín văn hóa và mức độ thừa nhận phổ biến về mặt quốc tế. Tiếng Pháp được thừa nhận như là ngôn ngữ thống trị trong bối cảnh thuộc địa, lại là ngôn ngữ của văn học kinh điển (classique) được Jean Racine sử dụng. Bi kịch *Iphigénie* của Jean Racine do Đỗ Thúc dịch và công bố ngay ở số đầu tiên cho thấy sự chọn lựa tác phẩm không phải là ngẫu nhiên, mà nằm trong nguyên lý tương quan quyền lực. Ít nhất vì tác phẩm và tác giả đã chiếm được vị trí trong trường văn học Pháp, đặc biệt về các quy chuẩn thẩm mỹ và thi pháp thể loại. *Iphigénie* được đánh giá như là một "huyền thoại mới"[19] được Racine tạo ra dựa trên tham chiếu huyền thoại Iphigénie thời Cổ đại Hy Lạp. Ngoài việc chuyển giao văn hóa giữa các không gian liên quốc gia, dịch là hành động tích lũy vốn, và đối với dịch giả, đó cũng là phương thế tìm kiếm sự thừa nhận. Ở chiều ngược lại, hành động dịch này là trao cho Racine và tác phẩm của ông một sự thừa nhận bên ngoài ranh giới trường văn học Pháp để mở rộng đến tình trạng trường xuyên quốc gia.

Cùng với các cơ quan định chế văn hóa khác như nhà xuất bản, trường học hay các viện văn hóa, ấn phẩm định kỳ Pháp ngữ, cụ thể là *Bulletin de la SEM* tham gia vào tiến trình kiến tạo các không gian chuyển lưu văn bản. Hoạt động dịch thuật mà tập san này chủ trương chính là hành động làm cho "tác phẩm chuyển lưu mà không mang theo bối cảnh" [20, tr.4]. Việc can thiệp của dịch giả vào tiến trình chuyển giao như trường hợp các kịch phẩm kinh điển của Pháp là làm chuyển hóa quy mã thẩm mỹ thể loại, tạo nên một kiểu xã hội học thi pháp mới để dễ dàng được lưu hành trong trường tri thức tiếp nhận. Điều này khẳng định ý tưởng của Sapiro về hoạt động dịch: "Tác nhân tiếp nhận tái diễn giải tác phẩm tùy theo các điều kiện riêng của không gian tiếp nhận. Các tác phẩm được dịch có thể được tiếp nhận theo nhiều cách khác nhau, thậm chí mâu thuẫn, tùy vào các yếu tố nội tại của trường trí thức bản địa"[21].

Ở chiều ngược lại, *Bulletin de la SEM* đã tích cực tham gia phổ biến tri thức văn chương Việt Nam ra thế giới. Việc dịch các tác phẩm văn học cổ điển như *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu chính là chiến lược xây dựng và khẳng định căn tính văn hóa quốc gia, đồng thời phổ biến rộng rãi nó trên văn đàn thế giới. Ý

tưởng này không phải là điều mới mẻ trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nhưng ở đầu thế kỷ XX, đây là một bước tiến đáng kể, cho thấy vai trò và vị thế quan trọng của các ấn phẩm định kỳ Pháp ngữ. Từ góc độ xã hội học và nguyên lý thừa nhận, "việc được dịch sang các ngôn ngữ trung tâm là một hình thức tôn vinh có khả năng làm thay đổi vị thế của một tác giả trong trường văn học bản địa của họ. Đây cũng có thể là một cách tích lũy vốn văn học cho các nhóm […], hoặc cho các nền văn học dân tộc đang trong quá trình hình thành […]"[21]. Ở thời điểm Nghiêm Liễn dịch *Lục Vân Tiên* và đăng từ số 3 năm 1926, đã có các phiên bản khác do người Pháp dịch. Điều đó chứng tỏ tác phẩm văn học này đã có được vị trí thống trị trong trường văn học Việt Nam, trở thành một điển phạm (*canon*) của nền văn học Việt Nam.

Tóm lại, so với các ấn phẩm Pháp ngữ khác, *Bulletin de la SEM* khi thiết lập nội dung dịch thuật đã thể hiện tính đặc thù của nhóm sáng lập và điều hành. Trong bối cảnh thuộc địa, tập san góp phần lớn trong việc lưu chuyển các văn bản dịch. Khác với loại hình xuất bản sách vốn tập trung và bị kiểm soát từ chính quốc, ấn phẩm địa phương tạo nên một không gian linh hoạt hơn như là trung giới của ngôn ngữ và văn hóa. Nó cho phép phổ biến nhanh chóng các trích đoạn văn học, triết học hoặc khoa học đã được dịch, vừa phục vụ mục tiêu giáo dục, vừa mang tính ý thức hệ và biểu trưng. Trong khuôn khổ dự án thuộc địa, có thể nhiều dịch phẩm được sử dụng như một công cụ truyền bá các giá trị của "sứ mệnh khai hóa". Tuy nhiên, thông qua các trí thức bản địa, việc dịch thuật trở thành phương tiện tiếp nhận, cải biến, thậm chí phản biện các tri thức thống trị. *Bulletin de la SEM* vừa là cơ quan tạo lập uy tín cho các dịch giả và tác giả bản địa, vừa là nơi thể nghiệm các ý tưởng lai ghép văn hóa. Dịch Việt-Pháp trên tập san giúp các nhà văn Việt Nam có thể tích lũy vốn biểu tượng, đồng thời góp phần vào quá trình kiến tạo một không gian tri thức địa phương. Những bản dịch, dù không trọn vẹn hay có tính thích nghi cao, cũng phản ánh nỗ lực ngầm trong việc viết lại các trật tự văn hóa. Ngày nay, các bản dịch ấy là tư liệu quý giá để hiểu được các hình thức kháng cự mang tính biểu trưng cũng như những khởi đầu của một hiện đại tính tri thức ở vùng ngoại vi.

KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu *Bulletin de la SEM*, chúng tôi đã cố gắng làm sáng tỏ vai trò phức tạp và chiến lược của một ấn phẩm định kỳ Pháp ngữ trong quá trình cấu trúc trường tri thức Việt Nam ở thời kỳ thuộc địa. Khi vận dụng xã hội học về trường của Bourdieu, kết hợp với tiếp cận chuyển giao văn hóa cũng như nghiên cứu hậu thuộc địa, chúng tôi đã có ý chứng minh rằng các ấn phẩm Pháp ngữ nói chung không hoàn toàn bị chi phối bởi những áp đặt của ý hệ thực dân, mà đó chính là một không gian trung giới và thương lượng thực sự. Tập san *Bulletin de la SEM* của Hội Trí Tri xuất hiện như một địa điểm chuyển tiếp tri thức, nhưng cũng thể hiện sự cạnh tranh giữa các hình thái tri thức thống trị và những khát vọng của các trí thức bản địa về tinh thần tự trị văn hóa. Đồng thời là phương tiện giáo dục, thích ứng tri thức mới và hoạt động dịch thuật, ấn phẩm này tham gia tích cực vào sự sản sinh một không gian diễn ngôn lai ghép, trong đó các dịch phẩm trở thành cơ sở cho tính hợp thức hóa và sự thừa nhận, nhờ vào vị trí và thẩm quyền của tác giả và dịch giả. Như vậy, có thể khẳng định rằng, trong khung cảnh của một tiến trình hiện đại hóa, hoạt động dịch thuật được công bố trên ấn phẩm này không chỉ là một cuộc tranh đấu vì sự thừa nhận mang tính biểu tượng, mà còn là một quá trình tái cấu hình các căn tính trí thức và văn hóa. Chính vì vậy, tạp chí Pháp ngữ thời thuộc địa cần được tái định vị trong lịch sử phê bình về sự lưu chuyển tri thức, không phải như những phương tiện của quyền lực thực dân, mà như những không gian mang tính nước đôi, chứa đựng ký ức xung đột - thường bị lãng quên - nhưng lại thiết yếu để thẩm thấu những động lực lịch sử của hiện đại tính Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số B2024-18b-02.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bulletin de la SEM: Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin (Tập san Trí Tri)

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bản thảo này đã đóng góp vào việc phác thảo một phương pháp luận cho nghiên cứu các tạp chí trong thời kỳ thuộc địa, kết hợp cơ sở lý luận từ lý thuyết "trường" của Bourdieu và một số ý tưởng từ khái niệm "chuyển giao văn hóa" (transfert culturel) và nghiên cứu hậu thuộc địa (postcolonial studies). Bản thảo cũng đã bước đầu khái quát hoạt động dịch thuật trên tạp chí *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin* (Tập san Trí Tri).

Các tác giả đã đóng góp cụ thể vào bản thảo như sau:

Võ Thị Ánh Ngọc: Giới thiệu đối tượng nghiên cứu tập san Bulletin và phân tích nội dung;
Sity Maria Cotika: Xây dựng cơ sở lí thuyết và phân tích nội dung;
Nguyễn Hoàng Việt: Khảo sát và thống kê dữ liệu tập san Bulletin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bourdieu P. Questions de sociologie. Paris: Minuit; 1984.
2. Sapiro G. Le champ est-il national? La théorie de la différenciation sociale au prisme de l'histoire globale. Actes de la recherche en sciences sociales. 2013;200(5):70–85. Available from: https://www.cairn.info/revue-actes-de-la-recherche-en-sciences-sociales-2013-5-page-70.htm.
3. Bourdieu P. Le fonctionnement du champ intellectuel; 1999.
4. Bourdieu P. Les Règles de l'art: Genèse et structure du champ littéraire. Paris: Seuil; 1998.
5. Espagne M. La notion de transfert culturel. Revue Sciences/Lettres [Internet]. 2013;Available from: https://doi.org/10.4000/rsl.219;http://rsl.revues.org/219.
6. Pham VQ. La Nouvelle Revue Indochinoise : un vecteur de transferts culturels. In: M E, B N, T N, editors. Hanoi-Paris: Un nouvel espace des sciences humaines. Paris: Éditions Kimé; 2020. p. 555–577. Available from: https://doi.org/10.3917/kime.espag.2019.01.0555.
7. Glissant E. Le Discours antillais. Paris: Le Seuil; 1995.
8. Said EW. Orientalism. New York: Vintage Books; 1979.
9. Bhabha HK. The Location of Culture. London: Routledge; 1994.
10. Demougin L. Introduction. Une presse coloniale non métropolitain. In: L'empire de la presse. Strasbourg: Presses universitaires de Strasbourg; 2021. Available from: https://doi.org/10.4000/books.pus.30172.
11. Charton A. L'évolution culturelle de l'Indochine. Politique Etrangere. 1947;1(1):51–68. Available from: https://doi.org/10.3406/polit.1947.5478.
12. Foucault M. L'archéologie du savoir. Paris: Gallimard; 1969.
13. de la SEM B. La Société d'enseignement mutuel du Tonkin. Bulletin de la SEM. 1930;1(58).
14. Nguyen PN. La Société d'enseignement mutuel du Tonkin (Hội Trí Tri, 1892-1946), une autre version de l'action moderniste. In: G DG, PN N, editors. Vietnam: le moment moderniste. Paris: Presses universitaires de Provence; 2009. Available from: https://doi.org/10.4000/books.pup.6669.
15. de la SEM B. Avis au lecteur. Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin. 1922;1:1–2.
16. Pham VQ. L'institution des revues dans le champ littéraire vietnamien francophone à l'époque coloniale. Modern & Contemporary France. 2025;Available from: https://doi.org/10.1080/09639489.2025.2455100.
17. Bourdieu P. Questions de sociologie. Paris: Minuit; 1984.
18. Casanova P. Consécration et accumulation de capital littéraire. La traduction comme échange inégal. Actes de la Recherche en Sciences Sociales. 2002;144(2):7–20.
19. Schlieper H. La virilité dans Iphigénie selon Racine. Littératures classiques. 2016;90(2):149–162. Available from: https://doi.org/10.3917/licla1.090.0149.
20. Bourdieu P. Les conditions sociales de la circulation internationale des idées. Actes de la Recherche en Sciences Sociales. 2002;145(5):3–8. Available from: https://doi.org/10.3917/arss.145.0003.
21. Sapiro G, editor. Translatio. Paris: CNRS Éditions; 2008. Available from: https://doi.org/10.4000/books.editionscnrs.9468.

Science & Technology Development Journal – Social Sciences & Humanities 2026, 10(2):x-x

Open Access Full Text Article

Research Article

A Sociological Approach to the Francophone Journals: A Case Study of the *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin*

Sity Maria Cotika*, Vo Thi Anh Ngoc, Nguyen Hoang Viet

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This article aims to propose a sociological approach to the Francophone journals published in Vietnam during the colonial period, by drawing on Pierre Bourdieu's theoretical framework, while also incorporating insights from cultural transfer methodology and postcolonial studies. We will focus on the *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin* (Trí Tri Bulletin)—the official organ of the Trí Tri Association founded in 1892—as a case study to analyze how this periodical participated in the construction of a hybrid intellectual field, while also undergoing tensions between the colonial hegemonic power and the emerging assertion of a Vietnamese subjectivity during the colonial period. The article focuses on the practice of translation within the *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin*, including the translation of French works into Vietnamese and vice versa, as an act of appropriating and accumulating the symbolic capital, as well as a key strategy for knowledge production and recognition in the inequitable colonial context. From this, it can be seen that colonial Francophone journals were complex intermediate spaces where interaction, negotiation, competition, and symbolic resistance took place, helping to shape the identity of modern Vietnamese intellectuals.

Key words: sociology, Bulletin de la SEM, intellectual field, translation, symbolic power

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Sity Maria Cotika, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: sitymariacotika@gmail.com

History

- Received: 22-07-2025
- Revised: 12-02-2026
- Accepted: 14-04-2026
- Published Online: x

DOI : x

Check for updates

Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNUHCM PRESS

Cite this article : Cotika S M, Ngoc V T A, Viet N H. **A Sociological Approach to the Francophone Journals: A Case Study of the *Bulletin de la Société d'enseignement mutuel du Tonkin***. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; 10(2):x-x.